

BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN

1.	Tổng số học sinh của trường	380	Học sinh				
2.	Số học sinh cắt cơm	2	Học sinh				
3.	Số học sinh ăn sáng:	378	Học sinh	Tiền ăn:	7,000	đồng	= 2,646,000 đồng
5.	Số học sinh ăn trưa:	378	Học sinh	Tiền ăn:	26,000	đồng	= 9,828,000 đồng
6.	Số học sinh ăn tối:	378	Học sinh	Tiền ăn:	26,000	đồng	= 9,828,000 đồng
8.	Tiền thu:			22,302,000	đồng		
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:			22,302,000	đồng		
10.	Tiền thiếu:				0	đồng	

Đơn vị thực hiện :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	113.4	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	20.0	50,000	1,000,000	
3	Nước mắm	Lít	2.0	13,800	27,600	
4	Mỳ chính	Kg	2.0	55,000	110,000	
5	Bột canh	Kg	2.0	20,000	40,000	
6	Muối trắng	Kg		7,000	-	

7	Nước rửa bát	Lít	6.8	38,000	258,400	
8	Nước lau nhà	Lít	7.2	30,000	216,000	
9	Gas đun bếp	Kg	25.0	36,000	900,000	
10	Mỳ tôm	Gói	378.0	4,000	1,512,000	
11	Thịt xay(ăn mỳ+ sốt đậu+ xào bí)	Kg	16.0	120,000	1,920,000	
12	Thịt luộc chấm chéo	Kg	64.0	120,000	7,680,000	
13	Đậu phụ (sốt thịt)	Kg	50.0	20,000	1,000,000	
14	Cà chua	Kg	9.0	25,000	225,000	
15	Bí đỏ (canh)	Kg	26.0	10,000	260,000	
16	Dưa hấu	Kg	30.0	20,000	600,000	
17	Cá chiên	Kg	67.0	75,000	5,025,000	
18	Bột chiên	Kg	2.0	28,000	56,000	
19	Bí đỏ xào thịt	Kg	48.6	10,000	486,000	
20	Cải ngọt (canh)	Kg	24.0	12,000	288,000	
21	Dưa hấu	Kg	29.0	20,000	580,000	
22	Rau mùi	Kg	1.0	35,000	35,000	
23	Gừng	Kg	1.0	25,000	25,000	
24	Ớt	Kg	0.4	45,000	18,000	
25	Hành lá	Kg	1.0	40,000	40,000	
					22,302,000	

Yên Châu, ngày ..02..tháng 02..năm 2026...

BỘ PHẬN NHÀ BẾP



Lò Thị Hương

THANH TRA NHÂN DÂN



Hoàng Thái Bình

BỘ PHẬN KẾ TOÁN



Tạ Hải Yến

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG



Lưu Văn Khải

KẾ TOÁN CÔNG TY



Nguyễn Thị Như Vân

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Nguyễn Văn Hải

